

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DSST
Ngày: 22-02 -2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Công Ny

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Sang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 285/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 834/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ trụ sở: Phạm Hồng Th, phường Vĩnh Thanh V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: Hòa B, phường An C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trần Út N. Theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2021. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Chí H, sinh năm 1982.

Bà Phạm Đỗ Như Th, sinh năm 1985.

Ông Phạm Công T, sinh năm 1959.

Bà Đỗ Thị Lệ Th1, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: khu vực S, phường An B, quận N, thành phố Cần Thơ. Ông H, bà Th1, ông T, bà Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP K- ông Trần Út N trình bày và giữ nguyên yêu cầu:

Ông Trần Chí H, bà Phạm Đỗ Như Th, ông Phạm Công T, bà Đỗ Thị Lê Th1 có ký kết với Ngân hàng TMCP K các Hợp đồng vay vốn (hình thức góp ngày) và còn nợ lại ngân hàng các khoản nợ cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng kèm Hợp đồng cầm cố số A599900/HĐTD-CC ngày 07/9/2018: Số tiền vay: 40.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán nhỏ lẻ, thời hạn vay: 180 ngày kể từ ngày ký nhận nợ, lãi suất vay: 14,94%/năm, lãi quá hạn: 22,41%/năm.

Đảm bảo cho khoản nợ vay của mình, ông Trần Chí H và bà Phạm Đỗ Như Th có cầm cố tài sản là xe gắn máy mang biển số 65B1-255.51, số máy: 5P11118188, số khung: P1109Y118187, nhãn hiệu YAMAHA NOUVO theo giấy chứng nhận số 022630 cấp ngày 02/10/2012.

Tạm tính đến ngày 22/02/2022, ông H và bà Th còn nợ lại Ngân hàng số tiền nợ gốc 17.777.800 đồng, lãi trong hạn: 1.309.808 đồng, lãi quá hạn: 12.263.094 đồng. Tổng cộng là 31.350.702 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng kèm Hợp đồng cầm cố số A625061/HĐTD-CC ngày 10/10/2018: Số tiền vay: 40.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán nhỏ lẻ, thời hạn vay: 180 ngày kể từ ngày ký nhận nợ, lãi suất vay: 14,94%/năm, lãi quá hạn: 22,41%/năm.

Đảm bảo cho khoản nợ vay của mình, bà Đỗ Thị Lê Th1 và bà Phạm Đỗ Như Th có cầm cố tài sản là xe gắn máy mang biển số 65B1-111.86, số máy: 23C1052237, số khung: 3C10BY052238, nhãn hiệu YAMAHA MIOCLASS theo giấy chứng nhận số 083589 cấp ngày 29/05/2018.

Tạm tính đến ngày 22/02/2022, bà Th1 và bà Th còn nợ lại Ngân hàng số tiền nợ gốc 25.111.126 đồng, lãi trong hạn: 1.850.104 đồng, lãi quá hạn: 17.067.219 đồng. Tổng cộng là 44.028.449 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng kèm Hợp đồng cầm cố số A637745/HĐTD-CC ngày 25/10/2018: Số tiền vay: 50.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán nhỏ lẻ, thời hạn vay: 180 ngày kể từ ngày ký nhận nợ, lãi suất vay: 14,94%/năm, lãi quá hạn: 22,41%/năm.

Đảm bảo cho khoản nợ vay của mình, ông Trần Chí H và bà Phạm Đỗ Như

Th có cầm cố tài sản là xe gắn máy mang biển số 65B1-576.51, số máy: E3N4E034897, số khung: 7610EY034894, nhãn hiệu YAMAHA NOZZA theo giấy chứng nhận số 030612 cấp ngày 01/6/2016.

Tạm tính đến ngày 22/02/2022, ông H và bà Th còn nợ lại Ngân hàng số tiền nợ gốc 35.555.596 đồng, lãi trong hạn 2.619.616 đồng, lãi quá hạn: 24.002.257 đồng. Tổng cộng là 62.177.470 đồng.

4. Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A662857/HĐTD-CC ngày 26/11/2018: Số tiền vay: 40.000.000 đồng, mục đích vay: Mua bán nhỏ lẻ, thời hạn vay: 180 ngày kể từ ngày ký nhận nợ, lãi suất vay: 14,94%/năm, lãi quá hạn: 22,41%/năm.

Đảm bảo cho khoản nợ vay của mình, ông Phạm Công T và bà Phạm Đỗ Như Th có cầm cố tài sản là xe gắn máy mang biển số 65B1-732-57, số máy: 5WP103445, số khung: WP104Y003445, nhãn hiệu YAMAHA MIOCLASS theo giấy chứng nhận số 025911 cấp ngày 19/07/2005.

Tạm tính đến ngày 22/02/2022, ông T và bà Th còn nợ lại Ngân hàng số tiền nợ gốc 35.555.560 đồng, lãi trong hạn: 2.619.616 đồng, lãi quá hạn: 23.652.954 đồng. Tổng cộng là 61.828.131 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Chí H, bà Phạm Đỗ Như Th, ông Phạm Công T, bà Đỗ Thị Lệ Th1 liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi còn nợ lại theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp đương sự không thanh toán hoặc thanh toán không đủ đề nghị phát mãi các tài sản đã cầm cố cho Ngân hàng để Th1 hồi nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu được tính lãi phát sinh sau ngày 22/02/2022 theo mức lãi suất đã thỏa Th1 tại các Hợp đồng tín dụng các bên đã ký cho đến khi đương sự thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Trần Chí H, bà Phạm Đỗ Như Th, ông Phạm Công T, bà Đỗ Thị Lệ Th1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên Tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Út N trình bày: Ngân hàng TMCP K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông H, bà Th, ông T, bà Th1. Yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà Th, ông T, bà Th1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ vay còn lại và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tạm tính đến ngày 22/02/2022.

Trường hợp đương sự không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì đề nghị phát mãi các tài sản đã cầm cố cho Ngân hàng để Th1 hồi nợ. Đồng thời yêu

cầu được tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ thời điểm sau ngày 22/02/2022 theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi đương sự thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với ông H, bà Th, ông T, bà Th1 để tham gia tố tụng nhưng các đương sự này vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử là đúng quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy căn cứ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận tạm tính đến ngày 22/02/2022 các bị đơn còn nợ lại Ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

- Ông Trần Chí H và bà Phạm Đỗ Như Th Th còn nợ lại Ngân hàng khoản nợ của 02 Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền gốc và lãi là: 93.528.172 đồng.

- Bà Đỗ Thị Lệ Th1 và bà Phạm Đỗ Như Th còn nợ lại Ngân hàng số tiền là gốc và lãi là 44.028.449 đồng.

- Ông Phạm Công T và bà Phạm Đỗ Như Th còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 61.828.131 đồng.

Do vậy Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà Th, ông T, bà Th1 trả số tiền trên cùng lãi suất phát sinh theo lãi suất thỏa Th1 tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi bị đơn thanh toán tất nợ. Trường hợp các đương sự không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì đề nghị được phát mãi tài sản thế chấp để Th1 hồi nợ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu ông Trần Chí H, bà Phạm Đỗ Như Th, ông Phạm Công T, bà Đỗ Thị Lệ Th1 thanh toán nợ vay cùng lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố mà các bên đã ký kết. Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực S, phường An B, quận N, thành phố Cần Thơ và đây cũng là địa chỉ ghi trong các

Hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Trần Chí H, bà Phạm Đỗ Như Th, ông Phạm Công T, bà Đỗ Thị Lệ Th1. Xét thấy, các đương sự này đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ông Trần Chí H, bà Phạm Đỗ Như Th, ông Phạm Công T, bà Đỗ Thị Lệ Th1 có ký kết với Ngân hàng TMCP K các Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố tài sản, cụ thể như sau:

(1) Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A599900/HĐTD-CC ngày 07/9/2018 được ký kết giữa ông Trần Chí H, bà Phạm Đỗ Như Th với Ngân hàng, số tiền vay: 40.000.000 đồng, tài sản cầm cố là xe gắn máy nhãn hiệu YAMAHA NOUVO, mang biển số 65B1-255.51.

(2) Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A625061/HĐTD-CC ngày 10/10/2018 được ký kết giữa bà Đỗ Thị Lệ Th1, bà Phạm Đỗ Như Th với Ngân hàng, số tiền vay: 40.000.000 đồng, tài sản cầm cố là xe gắn máy nhãn hiệu YAMAHA MIOCLASS, mang biển số 65B1-111.86.

(3) Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A637745/HĐTD-CC ngày 25/10/2018 được ký kết giữa ông Trần Chí H, bà Phạm Đỗ Như Th với Ngân hàng, số tiền vay: 50.000.000 đồng, tài sản cầm cố là xe gắn máy nhãn hiệu YAMAHA NOZZA, mang biển số 65B1-576.51.

(4) Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A662857/HĐTD-CC ngày 26/11/2018 được ký kết giữa ông Phạm Công T, bà Phạm Đỗ Như Th và Ngân hàng với số tiền vay: 40.000.000 đồng, tài sản cầm cố là xe gắn máy nhãn hiệu YAMAHA MIOCLASS, mang biển số 65B1-732-57.

Quá trình thực hiện hợp đồng, thấy rằng các bị đơn đã vi phạm N vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo như nội dung thỏa Th1ận trong hợp đồng đã ký kết. Tạm tính đến ngày 22/02/2022, các đương sự còn nợ lại Ngân hàng các khoản nợ vay sau:

- Hợp đồng (1) ông Trần Chí H, bà Phạm Đỗ Như Th còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 31.350.702 đồng. Trong đó tiền nợ gốc 17.777.800 đồng, lãi trong hạn: 1.309.808 đồng, lãi quá hạn: 12.263.094 đồng.

- Hợp đồng (2) bà Đỗ Thị Lệ Th1 và bà Phạm Đỗ Như Th Th còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 44.028.449 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc 25.111.126 đồng, lãi trong hạn: 1.850.104 đồng, lãi quá hạn: 17.067.219 đồng.

- Hợp đồng (3) ông Trần Chí H và bà Phạm Đỗ Như Th còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 62.177.470 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc 35.555.596 đồng, lãi trong hạn 2.619.616 đồng, lãi quá hạn: 24.002.257 đồng.

- Hợp đồng (4) ông Phạm Công T và bà Phạm Đỗ Như Th còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 61.828.131 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc 35.555.560 đồng, lãi trong hạn: 2.619.616 đồng, lãi quá hạn: 23.652.954 đồng.

Do vậy, việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Trần Chí H, bà Phạm Đỗ Như Th, bà Đỗ Thị Lệ Th1, ông Phạm Công T phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, trường hợp đương sự không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì phát mãi tài sản thế chấp là có căn cứ để Tòa án chấp nhận.

Ngoài ra, Hợp đồng được ký kết giữa các bên là Hợp đồng có thỏa thuận lãi suất, nên Ngân hàng được quyền tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ sau ngày 22/02/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi các bị đơn thanh toán tất nợ cho Ngân hàng.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí và các bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 275, các điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th1, miễn, giảm, Th1, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K đối với bị đơn ông Trần Chí H, bà Phạm Đỗ Như Th, ông Phạm Công T, bà Đỗ Thị Lệ Th1.

1. Buộc ông Trần Chí H và bà Phạm Đỗ Như Th liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A599900/HĐTD-CC ngày 07/9/2018 và Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A637745/HĐTD-CC ngày 25/10/2018 là **93.528.172** đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là: 53.333.396 đồng, lãi trong hạn là: 3.929.424 đồng, nợ lãi quá hạn là: 36.265.351 đồng.

Trường hợp ông H, bà Th không thực hiện N vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe YAMAHA NOUVO biển số 65B1-255.51 và xe YAMAHA NOZZA biển số 65B1-576.51 để thu hồi nợ.

2. Buộc bà Phạm Đỗ Như Th, bà Đỗ Thị Lệ Th1 liên đới thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A625061/HĐTD-CC ngày 10/10/2018 là **44.028.449** đồng, trong đó nợ gốc 25.111.126 đồng, lãi trong hạn: 1.850.104 đồng, lãi quá hạn: 17.067.219 đồng.

Trường hợp bà Th, bà Th1 không thực hiện N vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe YAMAHA MIOCLASS biển số 65B1.-111.86 để thu hồi nợ.

3. Buộc bà Phạm Đỗ Như Th, ông Phạm Công T liên đới thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A662857/HĐTD-CC ngày 26/11/2018 là **61.828.131** đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc 35.555.560 đồng, lãi trong hạn: 2.619.616 đồng, lãi quá hạn: 23.652.954 đồng.

Trường hợp bà Th, ông T không thực hiện N vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe YAMAHA MIOCLASS biển số 65B1.-732.57 để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Chí H và bà Đỗ Như Th phải liên đới chịu 4.676.500 đồng.
- Bà Phạm Đỗ Như Th, bà Đỗ Thị Lệ Th1 phải liên đới chịu 2.201.500 đồng.

- Bà Phạm Đỗ Như Th, ông Phạm Công T phải liên đới chịu 3.091.500 đồng.

- Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền 4.488.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai Th1 số 0001195 ngày 06/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND quận Ninh Kiều;
- TAND TP.CT;
- Chi cục THADS.Ninh Kiều;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Bé Hiền